TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62/**2020/DS-ST
Ngày: 06/5/2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **C Vũ Bình**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Thanh**.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Bé A**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện N, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Kim B**, sinh năm 1971;

Chị **Phan Phạm Thái Hồng C (Phượng)**, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp D, xã E, huyện N, Tiền Giang.

(chị A, chị C có mặt, anh B xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn Võ Thị Bé A trình bày: Năm 2018 âm lịch chị có tham gia 02 phần hụi gồm 02 dây hụi do chị Phan Phạm Thái Hồng C làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: chị tham gia 01 phần gồm 18 phần (18 hụi viên) loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Hụi khui lần đầu vào ngày 25/6/2018 âm lịch tức ngày 06/8/2018 dương lịch. Ngày mãn hụi là ngày 25/11/2019 âm lịch tức ngày

20/12/2019 dương lịch. Chị đã đóng được 13 tháng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng là 65.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: chị tham gia 01 phần gồm 19 phần (19 hụi viên) loại hụi 3.000.000 đồng/tháng. Hụi khui lần đầu vào ngày 30/10/2018 âm lịch tức ngày 06/12/2018 dương lịch. Ngày mãn hụi là ngày 30/5/2019 âm lịch tức ngày 20/07/2020 dương lịch. Chị đã đóng được 09 tháng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng là 27.000.000 đồng.

Đến tháng 06/2019 âm lịch thì chị C không duy trì hụi mà bỏ đi đâu không biết. Tổng số tiền chị C còn thiếu chị là 92.000.000 đồng.

Tuy anh Đỗ Kim B là chồng của chị C không tham gia việc chơi hụi nhưng việc chị C làm chủ hụi tiền lời phục vụ kinh tế trong gia đình nên anh B cũng có nghĩa vụ trả tiền cùng với chị C. Nay chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Kim B tự là Bính và chị Phan Phạm Thái Hồng C tự là Phượng trả cho chị số tiền 92.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn là anh B trình bày: anh không có tham gia hụi giữa vợ anh là chị C và chị A, anh đi làm thợ mộc và phụ xe nên anh không có lấy khoản tiền nào của chị C nên anh không đồng ý trả tiền cho chị A.

Chị C trình bày: chị có làm chủ hụi 02 dây hụi theo như chị A trình bày. Do chị bị những hụi viên khác giật hụi nên chị không có khả năng trả cho những hụi viên khác nên bể hụi. Chị và chị A có ngồi lại thống nhất chị còn thiếu chị A số tiền 73.600.000 đồng chứ không phải số tiền 92.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị không có khả năng trả 01 lần. Chị xin trả trước 23.600.000 đồng khi chị bán đất xong chị sẽ trả, số tiền còn lại chị sẽ trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc chị C làm chủ hụi anh B không biết và không tham gia hụi, tiền lời hụi chị dùng để xoay vòng các dây hụi khác chứ không có đem về nhà.

*** Tại phiên tòa,** chị A khởi kiện chị Phan Phạm Thái Hồng C và ông Đỗ Kim B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị số tiền 73.600.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Phan Phạm Thái Hồng C trình bày: Chị thừa nhận có làm chủ hụi nhiều năm, chị A có tham gia chơi chụi. Quá trình làm chủ hụi thì do nhiều hụi viên khác không đóng hụi cho chị nên dẫn đến chị bị bể hụi và còn nợ lại chị A số tiền là 73.600.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền này nhưng do còn nợ quá nhiều người, không có khả năng trả 01 lần xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chồng chị anh B hoàn toàn không tham gia vào việc chơi hụi, không có thu tiền hụi, tiền lời hụi chị dùng để xoay vòng các dây hụi khác chứ không có đem về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy: Căn cứ lời khai, thừa nhận của các đương sự, chị C thừa nhận có tổ chức góp hụi tại địa phương và có thống nhất nợ chị A 73.600.000 đồng, anh B chồng chị C không trực tiếp tham gia chơi hụi nhưng anh chị là vợ chồng hợp pháp, việc chơi hụi kéo dài nhiều năm và qua xác nhận của địa phương thì anh B thỉnh thoảng làm mộc, thu nhập chủ yếu do buôn bán tạp hóa và chơi hụi do đó nợ hụi 73.600.000 đồng là nợ chung của anh B và chị C nên yêu cầu khởi kiện của chị A là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Võ Thị Bé A khởi kiện bị đơn Đỗ Kim B và Phan Phạm Thái Hồng C, có địa chỉ tại ấp D, xã E, huyện N, Tiền Giang trả lại số tiền hụi đã đóng là 73.600.000 đồng. Do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện N.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình tố tụng, anh B có bản khai và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đơn của anh được thực hiện hợp lệ nên Toà án xét xử vắng mặt anh B theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng, chị C (Phượng) thừa nhận chị Bé A có tham gia chơi 02 dây hụi từ năm 2018 và có đóng hụi cho chị. Khi vỡ hụi vào tháng 6/2019 thì chị C có thiếu nợ hụi các hụi viên trong đó có chị A số tiền là 73.600.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền trên nhưng xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng và cho rằng việc chơi hụi không liên quan đến anh B nên anh B không phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho chị Bé A. Tại tòa chị A không đồng ý cho chị C trả dần vì cho rằng chị C, anh B nợ hụi đã lâu đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị nên yêu cầu khởi kiện của chị Bé A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

Đối với nghĩa vụ liên đới trả nợ của anh B: xét thấy chị C và anh B là vợ chồng, chung sống cùng địa chỉ, việc tổ chức các dây hụi của chị C được thực hiện thời gian dài và trong thời kỳ hôn nhân, theo xác nhận của chính quyền địa phương

thì anh B chỉ có nghề nghiệp làm mộc thỉnh thoảng có đi làm, thu nhập chủ yếu là bán tạp hóa, chơi hụi điều này phù hợp với lời thừa nhận của chị C. Do đó, việc chị C và anh B khai anh B không liên quan đến các dây hụi là không phù hợp, mà có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên anh B và chị C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị Bé A số nợ trên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó chị Bé A yêu cầu anh B và chị C liên đới trả số tiền hụi 73.600.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé A.

1. Buộc anh Đỗ Kim B và chị Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Bé A số tiền 73.600.000 đồng (bảy mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh B, chị C chậm thi hành án số tiền nêu trên thì anh B, chị C phải trả cho chị Bé A tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: anh Đỗ Kim B và chị Phan Phạm Thái Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.680.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Hoàn lại cho chị Võ Thị Bé A số tiền tạm ứng án phí 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003360 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Đỗ Kim B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDTTG.*
- *VKSNDHCG.*
- *Chi cục THADSHCG.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Ánh Hồng